

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2022
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tường Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng
Hoà, thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm
2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***/ Nguyên đơn:** Chị Đào Thị L, sinh năm 1995; Nơi ĐKKHKT: thôn ĐX, xã
ĐT, huyện UH, thành phố Hà Nội.

***/ Bị đơn:** Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: thôn ĐX, xã
ĐT, huyện UH, TP. Hà Nội.

(Anh T, chị L đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Đào Thị L là nguyên đơn trình bày: chị và anh Kiều Văn Hải tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT năm 2015. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần nhưng ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, sau đó trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2021 thì mâu thuẫn trở nên căng thẳng hơn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, mặc dù hai vợ chồng đã rất cố gắng tìm cách giải quyết nhưng tình trạng vẫn không thay đổi được, mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng hơn, có xảy ra đánh cãi chửi nhau. Chị bỏ về nhà bố

mẹ đẻ ở từ năm 2021 cho đến nay. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hai vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay đã được 1 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh T nữa, chị cũng không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên chị xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Đoàn Phúc L1, sinh ngày 22/9/2016 và Đoàn An N, sinh ngày 09/11/2019. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị; nhưng nếu anh T có nguyện vọng được nuôi con thì chị có nguyện vọng nuôi con chung Đoàn An N vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn, còn cháu Đoàn Phúc L1 để cho anh T nuôi dưỡng.

Khi đi khỏi nhà anh T, anh T không cho chị mang theo con đi nên chị đành để con ở lại cho bố và ông bà nội nuôi.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng chị nữa.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Đoàn Văn T là bị đơn trình bày: Anh và chị Đào Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT năm 2015. Vợ chồng anh gần như không có mâu thuẫn gì, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống nhưng mâu thuẫn xong rồi lại thôi. Cách đây hơn 01 năm bố mẹ đẻ chị L bảo chị L về nhà đẻ ở để đi làm ăn cùng bố mẹ đẻ chị L, chị L có nói chuyện nhưng anh không đồng ý vì cuộc sống như vậy không đảm bảo, nhưng chị L cứ cương quyết tự ý bỏ đi khỏi nhà anh và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh, quan điểm anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 con chung như chị L trình bày ở trên là đúng, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cho anh. Sau khi ly thân chị L cùng ông bà ngoại không đoái hoài gì thăm nom các con chung, các cháu đều ở với tôi từ trước cho đến nay, chị L không có tỷ trách nhiệm gì với các con nên tôi tha thiết được nuôi cả hai con để đảm bảo tốt nhất cho con.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T và chị L đều có mặt; anh T và chị L đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đều không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được do anh T và chị L đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con cho mình. Hội ĐT hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết ghi nhận chị L và anh T thuận tình ly hôn; giao con chung Đoàn Phúc L1 cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Đoàn An N cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị L và anh T; chị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị Lân làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, tại phiên tòa anh T và chị L đều có mặt, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Đoàn Văn T và chị Đào Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT ngày 29/7/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh T và chị L trình bày là bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung. Vì mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng nên chị L và anh T đã sống ly thân 01 năm nay. Chị L cương quyết xin được ly hôn với anh T; anh T cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh T là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã L1 vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin ly hôn, anh T đồng ý nên xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T là phù hợp với quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là Đoàn Phúc L1, sinh ngày 22/9/2016 và Đoàn An N, sinh ngày 09/11/2019. Chị L có nguyện vọng nuôi con chung Đoàn An N vì hiện nay cháu còn quá bé; chị nhường anh T nuôi dưỡng cháu Đoàn Phúc L1; anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung; anh T và chị L đều không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con cho mình.

Hội đồng xét xử nhận thấy, anh T và chị L đều xác nhận từ khi sinh ra cho đến nay cháu Đoàn Phúc Lâm và cháu Đoàn An Nhiên đều ở cùng bố, mẹ và ông bà nội tại nhà ông bà nội; Mặc dù, về điều kiện nuôi con, về công việc, về thu nhập của anh T và chị L đều có cơ sở, đủ điều kiện để được nuôi dưỡng con chung. Tuy N, con chung Đoàn An N hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, còn quá bé nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo môi trường sống ổn định cho các cháu nhỏ, ổn định tâm sinh lý của các cháu sau khi anh T và chị L ly hôn, giao con chung Đoàn Phúc L1 cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Đoàn An N cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật; do anh T và chị L đều không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị L và anh T cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi mới là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: anh T và chị L đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: chị L phải nộp án phí, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ Điều 55, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: ghi nhận anh Đoàn Văn T và chị Đào Thị L thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Đoàn Phúc L1, sinh ngày 22/9/2016 và Đoàn An N, sinh ngày 09/11/2019. Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Đoàn Phúc L1; giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Đoàn An N cho đến khi con chung khôn lớn, T thành hoặc cho đến khi có yêu cầu mới hoặc có sự thay đổi khác; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị L và anh T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc có sự thay đổi khác.

Sau ly hôn chị L, anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d-ỡng,

giáo dục con thì ng-ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ng-ời đó.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057625 ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với đương sự vắng mặt./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục THADS huyện □ng Hoà;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ-ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Bích Hằng

**Thành viên Hội đồng xét xử
tọa phiên tòa**

Thẩm phán – Chủ

